

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa và giải thích	5
Điều 2: Thủ tục yêu cầu bảo hiểm và Bảo hiểm tạm thời	8
Điều 3: Thời điểm phát sinh hiệu lực	9
Điều 4: Nghĩa vụ cung cấp thông tin	10
Điều 5: Miễn truy xét	11

CHƯƠNG II: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều 6: Quyền lợi bảo hiểm	11
Điều 7: Trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	14

CHƯƠNG III: QUỸ LIÊN KẾT CHUNG VÀ LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

Điều 8: Quỹ liên kết chung	15
Điều 9: Lãi suất cam kết tối thiểu	15

CHƯƠNG IV: PHÍ BẢO HIỂM, CÁC LOẠI PHÍ

Điều 10: Quy định chung về đóng Phí bảo hiểm	16
Điều 11: Gia hạn đóng Phí bảo hiểm	17
Điều 12: Tạm ngừng đóng Phí bảo hiểm	17
Điều 13: Tiếp tục đóng Phí bảo hiểm định kỳ sau khi tạm ngừng đóng phí	17
Điều 14: Các loại phí	18

CHƯƠNG V: TẠM ỨNG TỪ GIÁ TRỊ GIẢI ƯỚC VÀ RÚT MỘT PHẦN GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

Điều 15: Tạm ứng từ Giá trị giải ước	19
Điều 16: Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng	19

CHƯƠNG VI: THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

Điều 17: Thay đổi địa chỉ, tên, Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân, nghề nghiệp	20
Điều 18: Người thụ hưởng	20
Điều 19: Thay đổi Bên mua bảo hiểm	21

Điều 20: Thay đổi Số tiền bảo hiểm, Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm tử vong	22
Điều 21: Nhầm lẫn khi kê khai tuổi hoặc giới tính của Người được bảo hiểm	22
CHƯƠNG VII: CHẤM DỨT VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG	
Điều 22: Từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm	23
Điều 23: Chấm dứt Hợp đồng	23
Điều 24: Khôi phục Hợp đồng	24
CHƯƠNG VIII: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
Điều 25: Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm	24
Điều 26: Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm	24
Điều 27: Giải quyết quyền lợi bảo hiểm	26
CHƯƠNG IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	
Điều 28: Khiếu nại	27
Điều 29: Giải quyết tranh chấp	27
PHỤ LỤC 1: QUYỀN LỢI THƯỞNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN	28
PHỤ LỤC 2: CÁC LOẠI PHÍ	29
PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO CHUẨN THEO NĂM	32

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa và giải thích

1.1. “**Bảo Việt Nhân thọ**” là thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và các Công ty thành viên trực thuộc, được Bộ Tài chính cấp phép thành lập và hoạt động.

1.2. “**Hợp đồng**” (“Hợp đồng bảo hiểm”) là sự thoả thuận bằng văn bản giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo Việt Nhân thọ trong đó ghi nhận quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng (hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng) và Bảo Việt Nhân thọ.

Hợp đồng bao gồm Giấy yêu cầu bảo hiểm, Điều khoản, Phụ lục Hợp đồng.

1.3. “**Phụ lục Hợp đồng**” là một bộ phận của Hợp đồng bao gồm Phụ lục 1 – Quyền lợi Thường gia tăng Giá trị Tài khoản, Phụ lục 2 - Các loại phí, Phụ lục 3 - Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro chuẩn theo năm, Giấy chứng nhận bảo hiểm và các giấy tờ hợp lệ phát sinh từ Hợp đồng được xác nhận hoặc chấp thuận bởi Bảo Việt Nhân thọ.

1.4. “**Giấy chứng nhận bảo hiểm**” là văn bản Bảo Việt Nhân thọ cấp cho Bên mua bảo hiểm trong đó thể hiện các thông tin cơ bản của Hợp đồng bảo hiểm, và là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.

1.5. “**Giấy yêu cầu bảo hiểm**” là văn bản yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm, được thực hiện theo mẫu của Bảo Việt Nhân thọ, trong đó ghi các nội dung và thông tin do Bên mua bảo hiểm cung cấp để Bảo Việt Nhân thọ sử dụng làm căn cứ đánh giá rủi ro và ra quyết định chấp nhận bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm.

1.6. “**Sản phẩm bổ trợ**” là sản phẩm bảo hiểm bổ sung mà Bảo Việt Nhân thọ cung cấp cho Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm.

1.7. “**Bên mua bảo hiểm**” là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên vào thời điểm Hợp đồng phát sinh hiệu lực và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Bên mua bảo hiểm là người kê khai, ký tên trên Giấy yêu cầu bảo hiểm, đóng Phí bảo hiểm và thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

1.8. “**Người được bảo hiểm**” là người được chấp nhận bảo hiểm theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

1.9. “**Người thụ hưởng**” là cá nhân hoặc tổ chức do Bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong.

Thông tin cần thiết về Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng được nêu tại Giấy yêu cầu bảo hiểm và Phụ lục Hợp đồng.

1.10. “**Tuổi của Người được bảo hiểm**” là tuổi tính theo ngày sinh nhật gần nhất với ngày Hợp đồng phát sinh hiệu lực hoặc với các Ngày kỷ niệm hợp đồng.

Tuổi của Người được bảo hiểm là cơ sở để Bảo Việt Nhân thọ xem xét chấp nhận bảo hiểm, xác định Phí bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm và áp dụng các quy

định liên quan trong Hợp đồng. Điều kiện về tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm bắt đầu được áp dụng theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ tại thời điểm yêu cầu bảo hiểm và được thông báo cho Bên mua bảo hiểm.

- 1.11. **“Năm hợp đồng”** là khoảng thời gian một năm kể từ Ngày Hợp đồng có hiệu lực hay bất kỳ năm liên tục tiếp theo nào tính từ Ngày kỷ niệm hợp đồng.
- 1.12. **“Ngày kỷ niệm hợp đồng”** là ngày tương ứng hàng năm của ngày Hợp đồng phát sinh hiệu lực hoặc ngày cuối cùng của tháng tương ứng nếu năm đó không có ngày tương ứng.
- 1.13. **“Ngày hợp đồng hàng tháng”** là ngày tương ứng hàng tháng của ngày Hợp đồng phát sinh hiệu lực hoặc ngày cuối cùng của tháng trong trường hợp tháng đó không có ngày tương ứng.
- 1.14. **“Tai nạn”** là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện không bị gián đoạn gây ra do sự tác động bất ngờ của một vật chất hoặc một lực từ bên ngoài, không chủ định và ngoài ý muốn của Người được bảo hiểm lên cơ thể Người được bảo hiểm và gây ra thương tật hoặc tử vong, loại trừ bất cứ quá trình nào xảy ra do bệnh tật, tuổi tác hay sự thoái hoá. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải là nguyên nhân trực tiếp và duy nhất gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm.
- 1.15. **“Thương tật toàn bộ vĩnh viễn”** là tình trạng Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn chức năng và không thể phục hồi được chức năng của:

- Hai tay; hoặc
- Hai chân; hoặc
- Hai mắt; hoặc
- Một tay và một chân; hoặc
- Một tay và một mắt; hoặc
- Một chân và một mắt.

Trong đó:

- Mất hoàn toàn chức năng và không thể phục hồi được chức năng của mắt được hiểu là lấy bỏ nhãn cầu hoặc mù hoàn toàn (thị lực dưới 1/20).
- Mất hoàn toàn chức năng và không thể phục hồi được chức năng của tay được hiểu là:
 - + Bị cắt cụt từ khớp cổ tay trở lên; hoặc
 - + Mất khả năng vận động (liệt) vĩnh viễn từ toàn bộ bàn tay trở lên.
- Mất hoàn toàn chức năng và không thể phục hồi được chức năng của chân được hiểu là:
 - + Bị cắt cụt từ khớp cổ chân (bao gồm cả xương sên và xương gót) trở lên; hoặc
 - + Mất khả năng vận động (liệt) vĩnh viễn từ toàn bộ bàn chân trở lên.

Tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn nêu trên phải:

- Là hậu quả trực tiếp của một tai nạn xảy ra trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực;
- Được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận về tình trạng thương tật;
- Phát sinh trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn và kéo dài ít nhất 180 ngày liên tục tính từ ngày được xác nhận bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn (trừ trường hợp thương tật dẫn đến phải lấy bỏ nhãn cầu, cắt cụt từ khớp cổ tay trở lên và/hoặc cắt cụt từ khớp cổ chân (bao gồm cả xương sên và xương gót) trở lên).

1.16. **“Quỹ liên kết chung”** là quỹ do Bảo Việt Nhân thọ thành lập và được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung.

1.17. **“Phí bảo hiểm định kỳ”** là số Phí bảo hiểm của Hợp đồng này (không bao gồm Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ) do Bên mua bảo hiểm lựa chọn đóng định kỳ phù hợp với quy định của Bảo Việt Nhân thọ. Phí bảo hiểm định kỳ được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

1.18. **“Phí bảo hiểm đóng thêm”** là khoản Phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm định kỳ và Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ (nếu có), dùng để đầu tư vào Quỹ liên kết chung.

1.19. **“Số tiền bảo hiểm”** là Số tiền bảo hiểm của Hợp đồng tại thời điểm phát sinh hiệu lực. Số tiền bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm lựa chọn phù hợp với quy định của Bảo Việt Nhân thọ và được nêu tại Giấy yêu cầu bảo hiểm và Phụ lục Hợp đồng.

1.20. **“Số tiền bảo hiểm gia tăng”** là số tiền được xác định bằng cách điều chỉnh tăng Số tiền bảo hiểm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng kể từ Năm hợp đồng thứ hai trở đi theo Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm của Hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm bằng 0% hoặc 5%, phù hợp với quy định của Bảo Việt Nhân thọ.

Bảo Việt Nhân thọ có thể cung cấp các Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm khác để Bên mua bảo hiểm lựa chọn sau khi được Bộ Tài chính phê chuẩn.

Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm của Hợp đồng được nêu tại Giấy yêu cầu bảo hiểm và Phụ lục Hợp đồng.

1.21. **“Phí bảo hiểm phân bổ”** là phần còn lại của Phí bảo hiểm định kỳ, Phí bảo hiểm đóng thêm hay bất kỳ khoản Phí bảo hiểm nào được đóng bổ sung và Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và được phân bổ vào Tài khoản Hợp đồng.

1.22. **“Giá trị Kỹ thuật”** của Tài khoản Hợp đồng tại mỗi thời điểm bằng tổng Phí bảo hiểm phân bổ, cộng với số lãi phát sinh tính theo Lãi suất công bố vào cuối mỗi năm tài chính và số lãi phát sinh trong năm tài chính hiện tại tính theo Lãi suất dự kiến, trừ đi các khoản phí có liên quan, Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ (nếu có), khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

1.23. **“Giá trị đảm bảo tối thiểu”** của Tài khoản Hợp đồng tại mỗi thời điểm được tính toán giống như cách tính Giá trị Kỹ thuật nhưng theo Lãi suất cam kết tối thiểu (thay vì Lãi suất công bố và Lãi suất dự kiến) cho toàn bộ thời gian Hợp đồng đã có hiệu lực.

1.24. **“Giá trị Tài khoản Hợp đồng”** tại một thời điểm là giá trị lớn hơn giữa Giá trị Kỹ thuật và Giá trị đảm bảo tối thiểu của Tài khoản Hợp đồng.

- 1.25. **“Lãi suất công bố”** là lãi suất được Bảo Việt Nhân thọ công bố hàng năm và được dùng để xác định số lãi đầu tư chính thức phân bổ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng khi kết thúc năm tài chính. Lãi suất này được xác định từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung sau khi trừ đi các chi phí hoạt động đầu tư bao gồm chi phí liên quan đến việc giao dịch tài sản của quỹ (như phí ngân hàng, phí môi giới và các loại phí tương tự trả cho bên thứ ba), Phí quản lý Quỹ liên kết chung và Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng.
- 1.26. **“Lãi suất dự kiến”** là lãi suất được sử dụng để tính Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại các thời điểm trong năm tài chính khi chưa có Lãi suất công bố. Với mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng trong năm tài chính khi chưa có Lãi suất công bố, Lãi suất dự kiến được sử dụng để xác định số lãi đầu tư phân bổ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt.
- 1.27. **“Giá trị giải ước”** (“Giá trị hoàn lại”) là số tiền Bên mua bảo hiểm được nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng hoặc khi Hợp đồng chấm dứt theo các quy định trong Điều khoản này.
- Giá trị giải ước được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Trường hợp Phí chấm dứt Hợp đồng lớn hơn Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Giá trị giải ước được xác định bằng 0 (không).
- 1.28. **“Khoản nợ”** là tổng các khoản tạm ứng từ Giá trị giải ước và lãi phát sinh, các khoản khác mà Bên mua bảo hiểm còn nợ Bảo Việt Nhân thọ.
- 1.29. **“Khoản khấu trừ hàng tháng”** là khoản tiền được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào ngày phát hành Hợp đồng và Ngày hợp đồng hàng tháng, bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý Hợp đồng và Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có).

Điều 2: Thủ tục yêu cầu bảo hiểm và Bảo hiểm tạm thời

- 2.1. **Thủ tục yêu cầu bảo hiểm**
- 2.1.1. Khi yêu cầu bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm hoàn tất Giấy yêu cầu bảo hiểm và đóng Phí bảo hiểm ước tính của Hợp đồng.
- 2.1.2. Nếu Người được bảo hiểm từ đủ 18 tuổi trở lên và không đồng thời là Bên mua bảo hiểm, Giấy yêu cầu bảo hiểm phải có chữ ký của cả Người được bảo hiểm và Bên mua bảo hiểm.
- 2.1.3. Nếu Người được bảo hiểm chưa đủ 18 tuổi, Giấy yêu cầu bảo hiểm phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm.
- 2.2. **Bảo hiểm tạm thời**
- 2.2.1. Sau khi Bên mua bảo hiểm hoàn tất Giấy yêu cầu bảo hiểm và đóng Phí bảo hiểm ước tính, nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn xảy ra sau 01 ngày kể từ ngày đóng Phí bảo hiểm ước tính, bất kể Người được bảo hiểm có bao nhiêu Giấy yêu cầu bảo hiểm đang được Bảo Việt Nhân thọ xem xét, Bảo Việt Nhân thọ sẽ thanh toán:
- a) Tổng Phí bảo hiểm ước tính đã đóng theo tất cả các Giấy yêu cầu bảo hiểm cho Người được bảo hiểm đang được xem xét chấp nhận bảo hiểm; và

b) Tổng Số tiền bảo hiểm (gốc) và Niên kim (nếu có) theo tất cả các Giấy yêu cầu bảo hiểm của các Hợp đồng chính cho Người được bảo hiểm đang được xem xét chấp nhận bảo hiểm nhưng không quá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Số tiền nêu trên được thanh toán cho Người thụ hưởng trong trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong do tai nạn hoặc cho Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn.

- 2.2.2. Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn xảy ra trong ngày đóng Phí bảo hiểm ước tính và/hoặc thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như nêu tại các Điểm từ 7.1.1 đến 7.1.7 Điều 7, Bảo Việt Nhân thọ sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm ước tính đã đóng (không có lãi) trừ đi Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).
- 2.2.3. Trong thời hạn bảo hiểm tạm thời, nếu Bên mua bảo hiểm đề nghị huỷ bỏ yêu cầu bảo hiểm bằng văn bản, bảo hiểm tạm thời sẽ chấm dứt hiệu lực và Bảo Việt Nhân thọ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm ước tính đã đóng (không có lãi) trừ đi Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).
- 2.2.4. Bảo hiểm tạm thời sẽ chấm dứt tại thời điểm xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:
- a) Bảo Việt Nhân thọ phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm;
 - b) Bảo Việt Nhân thọ phát hành thông báo từ chối hoặc trì hoãn chấp nhận bảo hiểm;
 - c) Xảy ra các sự kiện nêu tại Điểm 2.2.1, Điểm 2.2.2;
 - d) Bảo Việt Nhân thọ nhận được văn bản đề nghị huỷ bỏ yêu cầu bảo hiểm nêu tại Điểm 2.2.3;
 - e) Kết thúc thời hạn 30 ngày kể từ ngày ghi trên Giấy nộp Phí bảo hiểm ước tính.
- 2.3. Trường hợp Bảo Việt Nhân thọ không chấp nhận bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm sẽ được hoàn lại số Phí bảo hiểm ước tính đã đóng (không có lãi).

2.4. **Chấp nhận bảo hiểm theo điều kiện đặc biệt**

Trong trường hợp chấp nhận bảo hiểm với những điều kiện và thỏa thuận đặc biệt phù hợp với quy định pháp luật, bao gồm nhưng không hạn chế ở: chấp nhận bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm điều chỉnh, Phí bảo hiểm điều chỉnh, Quyền lợi bảo hiểm điều chỉnh hoặc điều chỉnh phạm vi loại trừ trách nhiệm bảo hiểm dựa trên kết quả đánh giá, thẩm định hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và/hoặc theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, Bảo Việt Nhân thọ sẽ gửi thông báo bằng văn bản tới Bên mua bảo hiểm, trong đó ghi rõ những nội dung này.

Hợp đồng bảo hiểm chỉ được phát hành khi Bên mua bảo hiểm chấp thuận về những điều kiện và thỏa thuận đặc biệt này, và Bảo Việt Nhân thọ đã nhận đủ Phí bảo hiểm bổ sung (nếu có). Những điều kiện và thỏa thuận đặc biệt được hai bên chấp thuận sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm này.

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa điều kiện và thỏa thuận đặc biệt và Điều khoản này thì điều kiện và thỏa thuận đặc biệt được ưu tiên áp dụng.

Điều 3: Thời điểm phát sinh hiệu lực

Trường hợp Bảo Việt Nhân thọ chấp nhận bảo hiểm, Hợp đồng phát sinh hiệu lực kể từ ngày Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm ước tính theo quy định

tại Điểm 2.1.1 Điều 2. Ngày Hợp đồng phát sinh hiệu lực được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

Những rủi ro xảy ra trước ngày Bảo Việt Nhân thọ phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm được giải quyết theo quy định về Bảo hiểm tạm thời tại Khoản 2.2 Điều 2.

Điều 4: Nghĩa vụ cung cấp thông tin

4.1. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm (hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm) có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực tất cả những thông tin có liên quan đến Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Hợp đồng theo yêu cầu của Bảo Việt Nhân thọ đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp. Việc Bảo Việt Nhân thọ tiến hành kiểm tra sức khỏe của Người được bảo hiểm (nếu có) không thay thế cho nghĩa vụ này.

4.2. Trường hợp Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm (hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm) cố ý vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực và Bảo Việt Nhân thọ không phải hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm đã đóng của Hợp đồng chính và của Sản phẩm bổ trợ (nếu có) mà sẽ trả Giá trị giải ước của Hợp đồng và của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có), trừ đi các quyền lợi đã thanh toán, Khoản nợ (nếu có), Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có), Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng, Chi phí giám định xác minh (nếu có) và không phải chịu trách nhiệm bảo hiểm về những rủi ro đã phát sinh đối với Người được bảo hiểm.

Cố ý vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin được hiểu là việc Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm (hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm) cung cấp, kê khai không chính xác, không trung thực hoặc che giấu các thông tin quan trọng mà nếu biết được các thông tin này Bảo Việt Nhân thọ đã không chấp nhận bảo hiểm, không chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng, không chấp nhận thay đổi điều kiện Hợp đồng hoặc chấp nhận bảo hiểm, chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng, chấp nhận thay đổi điều kiện Hợp đồng nhưng phải kèm theo các điều kiện bổ sung theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ.

4.3. Bảo Việt Nhân thọ có nghĩa vụ giải thích cho Bên mua bảo hiểm về các điều kiện, Điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm.

Trường hợp Bảo Việt Nhân thọ cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp đồng bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm; Bảo Việt Nhân thọ phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật.

4.4. Bảo Việt Nhân thọ có trách nhiệm giữ bí mật thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cung cấp tại Hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp cung cấp cho bên thứ ba phải được sự chấp thuận của Bên mua bảo hiểm, trừ trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

4.5. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc Ngày kỷ niệm hợp đồng, Bảo Việt Nhân thọ thông báo cho Bên mua bảo hiểm thông tin về tình trạng của Hợp đồng và kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung.

Điều 5: Miễn truy xét

Khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác hoặc bỏ sót trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được miễn truy xét sau 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng phát sinh hiệu lực hoặc kể từ ngày Hợp đồng được khôi phục lần sau cùng, tùy thuộc ngày nào xảy ra sau.

Quy định này không áp dụng đối với trường hợp cố ý vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nêu tại Khoản 4.2 Điều 4.

CHƯƠNG II: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều 6: Quyền lợi bảo hiểm

6.1. Quyền lợi đáo hạn

Khi Người được bảo hiểm đạt tuổi nêu trong Phụ lục Hợp đồng, Bảo Việt Nhân thọ trả cho Bên mua bảo hiểm Quyền lợi đáo hạn. Quyền lợi đáo hạn được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại ngày Người được bảo hiểm đạt độ tuổi nêu trên trừ đi Khoản nợ (nếu có).

Việc lựa chọn thanh toán Quyền lợi đáo hạn được nêu tại Giấy yêu cầu bảo hiểm và Phụ lục Hợp đồng.

6.2. Quyền lợi bảo hiểm tử vong

6.2.1. Bên mua bảo hiểm có quyền lựa chọn một trong hai Quyền lợi bảo hiểm tử vong sau:

Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm gia tăng và Giá trị Tài khoản Hợp đồng tính tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong.

Quyền lợi Vượt trội: Số tiền bảo hiểm gia tăng cộng với Giá trị Tài khoản Hợp đồng tính tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong.

Quyền lợi bảo hiểm tử vong lựa chọn được nêu tại Giấy yêu cầu bảo hiểm và Phụ lục Hợp đồng.

6.2.2. Tự động chuyển Quyền lợi Vượt trội thành Quyền lợi Cơ bản:

Trường hợp Quyền lợi tử vong của Hợp đồng là Quyền lợi Vượt trội thì kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm Người được bảo hiểm đạt 70 tuổi quyền lợi này sẽ tự động chuyển thành Quyền lợi Cơ bản, trừ khi Bên mua bảo hiểm có yêu cầu bằng văn bản giữ nguyên Quyền lợi Vượt trội.

6.2.3. Bảo Việt Nhân thọ trả cho Người thụ hưởng Quyền lợi bảo hiểm tử vong trừ đi Khoản nợ (nếu có) trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong khi Hợp đồng đang có hiệu lực do một trong những nguyên nhân sau:

a) Do tai nạn xảy ra trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực;

b) Do tự tử khi Hợp đồng có hiệu lực hoặc được khôi phục từ đủ 24 tháng trở lên;

c) Do các nguyên nhân khác (không phải do tai nạn, tự tử) khi Hợp đồng có hiệu lực hoặc được khôi phục từ đủ 12 tháng trở lên.

- 6.2.4. Riêng với trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em bị tử vong trước sinh nhật lần thứ 4 và khi Hợp đồng đang có hiệu lực do một trong những nguyên nhân nêu tại Điểm 6.2.3, Bảo Việt Nhân thọ trả cho Người thụ hưởng số tiền như dưới đây trừ đi Khoản nợ (nếu có):

Thời điểm Người được bảo hiểm tử vong	Số tiền được trả
Trước sinh nhật lần thứ 1	20%S
Từ sinh nhật lần thứ 1 đến trước sinh nhật lần thứ 2	40%S
Từ sinh nhật lần thứ 2 đến trước sinh nhật lần thứ 3	60%S
Từ sinh nhật lần thứ 3 đến trước sinh nhật lần thứ 4	80%S

Trong đó: S là Quyền lợi bảo hiểm tử vong tính tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong.

- 6.2.5. Bảo Việt Nhân thọ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm Phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) trừ đi các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán, các khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng (nếu có), Khoản nợ (nếu có), Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có) và Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong khi Hợp đồng đang có hiệu lực do một trong những nguyên nhân sau:

a) Do tự tử khi Hợp đồng có hiệu lực hoặc được khôi phục chưa đủ 24 tháng;

b) Do các nguyên nhân khác (không phải do tai nạn, tự tử) khi Hợp đồng có hiệu lực hoặc được khôi phục chưa đủ 12 tháng.

- 6.2.6. Trường hợp Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc tổng số Phí bảo hiểm đã đóng tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong lớn hơn Quyền lợi bảo hiểm tử vong, Bảo Việt Nhân thọ trả giá trị lớn nhất giữa các giá trị sau:

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong trừ đi Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo đã thanh toán (nếu có) và Khoản nợ (nếu có); hoặc

- Tổng số phí bảo hiểm đã đóng trừ đi Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo đã thanh toán (nếu có), các khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng (nếu có), Phí rút trước (nếu có), Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có), Phí đánh giá rủi ro và phát hành hợp đồng và Khoản nợ (nếu có); hoặc

- Giá trị Tài khoản trừ đi Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo đã thanh toán (nếu có) và Khoản nợ (nếu có).

6.3. Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn

Tương ứng với độ tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tai nạn, Bảo Việt Nhân thọ trả cho Bên mua bảo hiểm Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn bằng 100% Quyền lợi bảo hiểm tử vong nêu tại Điểm 6.2.3 hoặc 100% Số tiền được trả nêu tại Điểm 6.2.4 trừ đi Khoản nợ (nếu có) trong trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn khi Hợp đồng đang có hiệu lực.

Giá trị của Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn được xác định tại thời điểm tai nạn.

6.4. Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo

6.4.1. Tương ứng với độ tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm Người được bảo hiểm bị bệnh hiểm nghèo ở giai đoạn cuối, Bảo Việt Nhân thọ trả cho Bên mua bảo hiểm 50% Quyền lợi bảo hiểm tử vong nêu tại Điểm 6.2.3 hoặc 50% Số tiền được trả nêu tại Điểm 6.2.4 nhưng không vượt quá mức tối đa do Bảo Việt Nhân thọ quy định trừ đi Khoản nợ (nếu có) trong trường hợp Người được bảo hiểm bị bệnh hiểm nghèo ở giai đoạn cuối khi Hợp đồng đang có hiệu lực và thỏa mãn các điều kiện:

- Căn cứ vào các bằng chứng y tế thỏa đáng, Bảo Việt Nhân thọ thừa nhận rằng Người được bảo hiểm sẽ tử vong trong vòng 12 tháng; và

- Hợp đồng đã có hiệu lực hoặc được khôi phục từ đủ 12 tháng trở lên.

Giá trị của Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo được xác định tại thời điểm Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận thanh toán quyền lợi này.

Các quy định liên quan đến bệnh hiểm nghèo ở giai đoạn cuối sẽ được Bảo Việt Nhân thọ cung cấp khi Bên mua bảo hiểm có yêu cầu.

6.4.2. Khoản tiền Bên mua bảo hiểm đã nhận theo Điểm 6.4.1 nêu trên sẽ được khấu trừ khi Bảo Việt Nhân thọ trả các quyền lợi bảo hiểm khác của Hợp đồng, khi rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc khi Hợp đồng bị hủy bỏ hoặc chấm dứt.

6.5. Quyền lợi duy trì Hợp đồng

6.5.1. Khi Hợp đồng đang có hiệu lực, tùy theo kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung, Bảo Việt Nhân thọ trả Quyền lợi duy trì Hợp đồng bằng cách cộng thêm vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng:

a) Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 10; và

b) Sau mỗi 5 năm kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 10.

Trước khi xác định Lãi suất công bố hàng năm, Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng sẽ được trích lại, tích lũy trong Quỹ liên kết chung và dùng để thanh toán Quyền lợi duy trì Hợp đồng. Việc trích Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng là nhằm giúp Quỹ liên kết chung có thể thực hiện chiến lược đầu tư dài hạn và ổn định.

6.5.2. Quyền lợi duy trì Hợp đồng không được đảm bảo nhưng được xác định trên cơ sở công bằng và hợp lý.

Quyền lợi duy trì Hợp đồng được tính tại từng thời điểm phát sinh nêu tại Điểm 6.5.1. Giá trị Tài khoản Hợp đồng dùng để tính Quyền lợi duy trì Hợp đồng được xác định trên cơ sở số Phí bảo hiểm định kỳ đóng từ thời điểm Hợp đồng phát sinh hiệu lực. Phí bảo hiểm đóng thêm hoặc bất kỳ khoản phí nào vượt quá Phí bảo hiểm định kỳ sẽ được dùng làm cơ sở để tính Quyền lợi duy trì Hợp đồng nếu đã được đóng và được giữ lại trong Quỹ liên kết chung ít nhất 02 năm tính đến ngày phát sinh Quyền lợi duy trì Hợp đồng.

Quyền lợi duy trì Hợp đồng sẽ bị giảm tương ứng nếu Phí bảo hiểm định kỳ không được đóng đầy đủ, Hợp đồng đã rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng, giảm Phí bảo hiểm định kỳ hoặc đã từng tạm ngừng đóng phí.

6.6. **Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản**

Trong thời gian Hợp đồng duy trì hiệu lực, không tạm ngừng đóng phí và đang trong thời hạn đóng Phí bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng, nếu Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi đạt mức quy định tại Phụ lục Hợp đồng, Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản sẽ được Bảo Việt Nhân thọ trả bằng cách cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

Giá trị Kỹ thuật trung bình dùng để tính Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản được xác định trên cơ sở Phí bảo hiểm định kỳ đóng tại thời điểm Hợp đồng phát sinh hiệu lực. Phí bảo hiểm đóng thêm và bất kỳ khoản phí nào vượt quá Phí bảo hiểm định kỳ sẽ được dùng để tính Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản nếu đã được đóng và giữ lại trong Quỹ liên kết chung ít nhất 02 năm tính đến ngày xác định quyền lợi hoặc trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ.

Ngày xác định Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản là Ngày kỷ niệm hợp đồng hoặc Ngày kết thúc năm tài chính hoặc bất kỳ ngày nào khác theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ. Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản được xác định theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng.

6.7. Hợp đồng chấm dứt ngay sau khi xảy ra các sự kiện làm phát sinh trách nhiệm của Bảo Việt Nhân thọ theo Khoản 6.1, Khoản 6.2 và Khoản 6.3.

Điều 7: Trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

7.1. Bảo Việt Nhân thọ không phải giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điểm 6.2.3, Điểm 6.2.4, Khoản 6.3 và Điểm 6.4.1 Điều 6 nếu Người được bảo hiểm tử vong, bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc bệnh hiểm nghèo do hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp của:

- 7.1.1. Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng (trừ trường hợp Người được bảo hiểm tử vong do tự tử được trả quyền lợi bảo hiểm như nêu tại Điểm 6.2.3 và Điểm 6.2.4 Điều 6);
- 7.1.2. Nhiễm HIV, bị AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải) hoặc những bệnh liên quan đến AIDS;
- 7.1.3. Người được bảo hiểm tham gia: các hoạt động hàng không (trừ khi với tư cách là hành khách); các hoạt động nguy hiểm: nhảy dù, đua xe, đua ngựa, săn bắn, đấm bốc, lặn;
- 7.1.4. Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm (theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền);
- 7.1.5. Người được bảo hiểm sử dụng trái phép rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác;
- 7.1.6. Động đất, sóng thần, phản ứng hạt nhân, nhiễm phóng xạ, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học;
- 7.1.7. Chiến tranh (cho dù tuyên bố hay không tuyên bố), nội chiến, khủng bố, bạo động, nổi loạn và các sự kiện mang tính chất chiến tranh khác.

7.2. Hợp đồng chấm dứt ngay sau khi Người được bảo hiểm tử vong thuộc một trong các trường hợp nêu tại Khoản 7.1 và Bảo Việt Nhân thọ hoàn lại cho Bên

mua bảo hiểm giá trị lớn hơn giữa:

a) Phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) trừ đi các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán, các khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng (nếu có), Khoản nợ (nếu có), Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có) và Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng; và

b) Giá trị giải ước tính tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt trừ đi các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán và Khoản nợ (nếu có).

CHƯƠNG III: QUỸ LIÊN KẾT CHUNG VÀ LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

Điều 8: Quỹ liên kết chung

- 8.1. Quỹ liên kết chung được đầu tư và quản lý độc lập với quỹ chủ sở hữu, phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 8.2. Quỹ liên kết chung thực hiện chiến lược đầu tư theo định hướng an toàn, theo đó, tài sản của quỹ được đầu tư vào các công cụ sinh lời ổn định, hạn chế đầu tư vào cổ phiếu và bất động sản.
- 8.3. Chiến lược, chính sách, mục tiêu đầu tư và cơ cấu tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung sẽ được thường xuyên cập nhật trên mạng Internet (Website) của Bảo Việt Nhân thọ hoặc được Bảo Việt Nhân thọ thông báo cho Bên mua bảo hiểm thông qua các hình thức khác.

Điều 9: Lãi suất cam kết tối thiểu

- 9.1. Lãi suất cam kết tối thiểu của Hợp đồng như sau:

Năm Hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu
Năm thứ 1	5,0%
Năm thứ 2	4,5%
Năm thứ 3 và Năm thứ 4	4,0%
Năm thứ 5	3,5%
Từ Năm thứ 6 đến Năm thứ 10	3,0%
Từ Năm thứ 11 trở đi	2,0%

Bảo Việt Nhân thọ cam kết, tại ngày Hợp đồng đáo hạn hoặc ngày Quyền lợi bảo hiểm tử vong, Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn được xác định hoặc ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, lãi suất theo năm (tính lãi kép) mà Hợp đồng được hưởng cho thời gian Hợp đồng đã có hiệu lực không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu nêu trên và được xác định cho từng khoảng thời gian tương ứng với mỗi mức Lãi suất cam kết tối thiểu.

- 9.2. Lãi suất công bố hàng năm được xác định theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung.

Lãi suất công bố thường cao hơn Lãi suất cam kết tối thiểu nhưng trong một số tình huống đặc biệt Lãi suất công bố có thể thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu trong một hoặc một số năm.

CHƯƠNG IV: PHÍ BẢO HIỂM, CÁC LOẠI PHÍ

Điều 10: Quy định chung về đóng Phí bảo hiểm

- 10.1. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn một trong các thời hạn đóng Phí bảo hiểm sau:
- a) Đóng phí trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực; hoặc
 - b) Đóng phí đến 55 tuổi, đến 60 tuổi, đến 65 tuổi; hoặc
 - c) Đóng phí trong một số năm nhất định.

- 10.2. Bên mua bảo hiểm có quyền lựa chọn đóng Phí bảo hiểm theo định kỳ năm, 06 tháng, quý hoặc tháng phù hợp với quy định của Bảo Việt Nhân thọ trong từng thời kỳ. Phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng không được thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ tại thời điểm yêu cầu bảo hiểm.

Thời hạn đóng phí, định kỳ đóng phí, ngày đến hạn đóng phí và số Phí bảo hiểm đóng mỗi kỳ được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

- 10.3. Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu thay đổi định kỳ đóng Phí bảo hiểm, số phí đóng mỗi kỳ, thời hạn đóng phí và/hoặc cách thức đóng Phí bảo hiểm phù hợp với quy định của Bảo Việt Nhân thọ tại thời điểm yêu cầu thay đổi. Yêu cầu thay đổi phải được gửi tới Bảo Việt Nhân thọ bằng văn bản chậm nhất 15 ngày trước ngày đến hạn đóng phí tiếp theo. Việc thay đổi có hiệu lực kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo sau ngày Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận bằng văn bản yêu cầu thay đổi.

- 10.4. Sau khi kết thúc thời hạn đóng phí nêu tại Khoản 10.1, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tiếp tục đóng phí bằng cách gửi văn bản yêu cầu cho Bảo Việt Nhân thọ. Việc đóng Phí bảo hiểm có thể tiếp tục thực hiện sau khi Bảo Việt Nhân thọ chấp nhận bằng văn bản.

- 10.5. Nếu tại một thời điểm nào đó mà Giá trị Tài khoản Hợp đồng không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng, bao gồm cả Phí của Sản phẩm bổ trợ (nếu có), để Hợp đồng tiếp tục duy trì hiệu lực thì Số tiền bảo hiểm gia tăng và các quyền lợi có liên quan, bao gồm cả quyền lợi của Sản phẩm bổ trợ (nếu có), sẽ được tự động điều chỉnh giảm xuống sao cho các Khoản khấu trừ hàng tháng mới bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

Để khôi phục Số tiền bảo hiểm và các quyền lợi có liên quan về mức trước khi bị điều chỉnh giảm, Bên mua bảo hiểm phải trả Phí bảo hiểm đầy đủ theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ.

10.6. **Phí bảo hiểm đóng thêm**

- 10.6.1. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu đóng Phí bảo hiểm đóng thêm để gia tăng đầu tư vào Quỹ liên kết chung, với điều kiện Phí bảo hiểm đóng thêm mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Bảo Việt Nhân thọ quy định và trong mỗi Năm hợp đồng tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 05 lần Phí bảo hiểm định kỳ quy năm của Năm hợp đồng đầu tiên hoặc theo quy định hiện hành của pháp luật.

Bảo Việt Nhân thọ có quyền điều chỉnh mức Phí bảo hiểm đóng thêm tối thiểu và tối đa, phù hợp với quy định của pháp luật.

- 10.6.2. Bảo Việt Nhân thọ có quyền đồng ý, từ chối hoặc giới hạn Phí bảo hiểm đóng

thêm. Trường hợp từ chối, Bảo Việt Nhân thọ sẽ trả lại cho Bên mua bảo hiểm số tiền bị từ chối (không có lãi).

- 10.6.3. Trong mọi trường hợp Phí bảo hiểm định kỳ phải được đóng trước Phí bảo hiểm đóng thêm.

Điều 11: Gia hạn đóng Phí bảo hiểm

- 11.1. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không thể đóng Phí bảo hiểm định kỳ theo đúng ngày đến hạn đóng phí đã thỏa thuận hoặc sau thời hạn đóng phí mà Giá trị giải ước Hợp đồng không đủ để khấu trừ Khoản khấu trừ hàng tháng, Bảo Việt Nhân thọ sẽ áp dụng thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày:
- 11.1.1. Kể từ ngày đến hạn đóng phí trong trường hợp Hợp đồng và các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) chưa có Giá trị giải ước; hoặc
- 11.1.2. Kể từ ngày Giá trị giải ước của Hợp đồng và của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trừ đi Khoản nợ (nếu có) không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng.
- 11.2. Sau thời gian gia hạn đóng phí, nếu Bên mua bảo hiểm không đóng Phí bảo hiểm định kỳ, Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt:
- 11.2.1. Kể từ ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí nợ đầu tiên đối với trường hợp nêu tại Điểm 11.1.1; hoặc
- 11.2.2. Kể từ ngày Giá trị giải ước của Hợp đồng và của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trừ đi Khoản nợ (nếu có) không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng đối với trường hợp nêu tại Điểm 11.1.2.
- 11.3. Khi Hợp đồng tự động chấm dứt theo Khoản 11.2, Bên mua bảo hiểm không được nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng và/hoặc Giá trị giải ước của Hợp đồng và của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có).

Điều 12: Tạm ngừng đóng Phí bảo hiểm

- 12.1. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng Phí bảo hiểm định kỳ theo đúng ngày đến hạn đóng phí đã thỏa thuận mà Giá trị giải ước của Hợp đồng và của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trừ đi Khoản nợ (nếu có) đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng thì Hợp đồng và các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) sẽ tiếp tục duy trì hiệu lực.
- Khoản khấu trừ hàng tháng tiếp tục được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng.
- 12.2. Trong thời gian Hợp đồng tạm ngừng đóng phí, Bên mua bảo hiểm không được: mua thêm Sản phẩm bổ trợ, tăng Số tiền bảo hiểm, chuyển từ Quyền lợi Cơ bản sang Quyền lợi Vượt trội, thay đổi Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm và/hoặc đóng Phí bảo hiểm đóng thêm.

Điều 13: Tiếp tục đóng Phí bảo hiểm định kỳ sau khi tạm ngừng đóng phí

- 13.1. Bên mua bảo hiểm có thể tiếp tục đóng Phí bảo hiểm định kỳ sau khi Hợp đồng tạm ngừng đóng phí với điều kiện Phí bảo hiểm định kỳ được đóng không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ.

- 13.2. Ngày định kỳ đóng phí tiếp theo của Hợp đồng sẽ được Bảo Việt Nhân thọ thông báo cho Bên mua bảo hiểm.

Điều 14: Các loại phí

14.1. Phí bảo hiểm rủi ro

Phí bảo hiểm rủi ro hiểm rủi ro là khoản phí để bảo đảm chi trả cho các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp đồng (không bao gồm các Sản phẩm bổ trợ (nếu có)) và được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào ngày phát hành Hợp đồng và Ngày hợp đồng hàng tháng. Phí bảo hiểm rủi ro được tính trên cơ sở Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, giới tính và tuổi của Người được bảo hiểm tại ngày khấu trừ, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm và các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro chuẩn theo năm được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

14.2. Phí ban đầu

Phí ban đầu được khấu trừ trước khi phân bổ Phí bảo hiểm định kỳ, Phí bảo hiểm đóng thêm vào Quỹ liên kết chung.

Phí ban đầu được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

14.3. Phí quản lý Hợp đồng

Phí quản lý Hợp đồng được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào ngày phát hành Hợp đồng và Ngày hợp đồng hàng tháng.

Mức Phí quản lý Hợp đồng được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

14.4. Phí quản lý Quỹ liên kết chung

Phí quản lý Quỹ liên kết chung được khấu trừ từ Quỹ liên kết chung.

Mức Phí quản lý Quỹ liên kết chung được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

14.5. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng

Trước khi xác định Lãi suất công bố hàng năm, Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng sẽ được trích lại và lũy tích trong Quỹ liên kết chung, để trả Quyền lợi duy trì Hợp đồng.

Mức Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

14.6. Phí chấm dứt Hợp đồng

Phí chấm dứt Hợp đồng được khấu trừ khi Hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn.

Mức Phí chấm dứt Hợp đồng được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

14.7. Phí rút trước và Phí dịch vụ

Phí rút trước được áp dụng theo tỷ lệ thuận với Phí chấm dứt Hợp đồng khi Bên mua bảo hiểm rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng. Phí rút trước được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng. Khi rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm phải chịu thêm Phí dịch vụ.

Mức Phí rút trước và Phí dịch vụ được nêu tại Phụ lục Hợp đồng.

14.8. **Phí kiểm tra sức khỏe**

Phí kiểm tra sức khỏe là phí thực tế phát sinh trong trường hợp Người được bảo hiểm được Bảo Việt Nhân thọ yêu cầu kiểm tra sức khỏe. Bên mua bảo hiểm chỉ phải chịu phí này trong các trường hợp nêu tại Điểm 2.2.2 và 2.2.3 Điều 2, Khoản 4.2 Điều 4, Điểm 6.2.5 và Điểm 6.2.6 Điều 6, Khoản 7.2 Điều 7, Khoản 20.4 Điều 20, Khoản 21.3 Điều 21, Điều 22 và Khoản 24.1 Điều 24.

14.9. **Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng**

Mức phí này được nêu tại Phụ lục Hợp đồng và Bên mua bảo hiểm chỉ phải chịu phí này trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng nêu tại Khoản 4.2 Điều 4, Điểm 6.2.5 và Điểm 6.2.6 Điều 6, Khoản 7.2 Điều 7 và Khoản 21.3 Điều 21.

CHƯƠNG V: TẠM ỨNG TỪ GIÁ TRỊ GIẢI ƯỚC VÀ RÚT MỘT PHẦN GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

Điều 15: Tam ứng từ Giá trị giải ước

15.1. Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu tạm ứng từ Giá trị giải ước theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ với điều kiện:

- Hợp đồng đã có Giá trị giải ước; và
- Giá trị giải ước trừ đi Khoản nợ (nếu có) lớn hơn 0 (không).

15.2. Bên mua bảo hiểm có thể tạm ứng tối đa 80% Giá trị giải ước trừ đi các Khoản nợ (nếu có).

Lãi suất áp dụng cho khoản tạm ứng trong từng thời kỳ do Bảo Việt Nhân thọ xác định một cách hợp lý.

15.3. Bảo Việt Nhân thọ có quyền thu hồi toàn bộ số tiền tạm ứng và lãi phát sinh trước khi thanh toán Giá trị giải ước, bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào của Hợp đồng hoặc trong bất kỳ trường hợp huỷ bỏ hay chấm dứt Hợp đồng.

15.4. Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt kể từ ngày Giá trị giải ước trừ đi Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn hoặc bằng 0 (không) và Bên mua bảo hiểm không được nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng và/hoặc Giá trị giải ước.

Điều 16: Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng

16.1. Khi Hợp đồng có Giá trị giải ước, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng với điều kiện:

- Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Bảo Việt Nhân thọ quy định;
- Sau khi rút một phần, Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) không thấp hơn số tiền tối thiểu theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ trong từng thời kỳ.

16.2. Nếu tại thời điểm rút Quyền lợi bảo hiểm tử vong là Quyền lợi Cơ bản thì Số

tiền bảo hiểm gia tăng của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh giảm một khoản bằng khoản rút. Số tiền bảo hiểm gia tăng của các Năm hợp đồng tiếp theo sẽ được điều chỉnh tương ứng.

- 16.3. Bảo Việt Nhân thọ có quyền từ chối, hạn chế hoặc trì hoãn việc cho phép rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhằm bảo vệ quyền lợi của Bên mua bảo hiểm.

CHƯƠNG VI: THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

Điều 17: Thay đổi địa chỉ, tên, Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân, nghề nghiệp

Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo cho Bảo Việt Nhân thọ bằng văn bản trong vòng 60 ngày kể từ ngày có sự thay đổi về địa chỉ liên hệ hoặc nơi cư trú, tên, Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hay có sự thay đổi nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.

Điều 18: Người thụ hưởng

- 18.1. Khi yêu cầu bảo hiểm hoặc khi Hợp đồng đang có hiệu lực, với sự đồng ý của Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có quyền:
- 18.1.1. Chỉ định Người thụ hưởng;
 - 18.1.2. Thay đổi Người thụ hưởng;
 - 18.1.3. Chỉ định Người thụ hưởng khác khi Người thụ hưởng chết trước Người được bảo hiểm.

Việc chỉ định hoặc thay đổi trên phải được gửi cho Bảo Việt Nhân thọ bằng văn bản và sẽ có hiệu lực sau khi được Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận hoặc xác nhận bằng văn bản. Bảo Việt Nhân thọ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến việc chỉ định hoặc thay đổi Người thụ hưởng.

- 18.2. Trường hợp không có Người thụ hưởng nêu tại Khoản 18.1 thì Quyền lợi bảo hiểm tử vong sẽ được thanh toán cho người (hoặc những người) thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.
- 18.3. Nếu có từ hai người thừa kế hợp pháp trở lên, những người thừa kế hợp pháp đó cần cử một người đại diện có đủ năng lực hành vi dân sự để thực hiện các giao dịch cần thiết với Bảo Việt Nhân thọ. Bảo Việt Nhân thọ chỉ thanh toán quyền lợi bảo hiểm thông qua người đại diện của những người thừa kế hợp pháp này và không chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh (nếu có) trong việc phân chia quyền lợi bảo hiểm.
- 18.4. Trường hợp Người thụ hưởng hoặc người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm chưa đủ 18 tuổi hoặc bị Tòa án tuyên mất hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì Bảo Việt Nhân thọ thanh toán quyền lợi bảo hiểm thông qua Người đại diện theo pháp luật của Người thụ hưởng hoặc người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.

Điều 19: Thay đổi Bên mua bảo hiểm

19.1. Chuyển nhượng Hợp đồng

- 19.1.1. Với sự đồng ý của Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm và khi Hợp đồng đang có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng Hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác (được gọi là Bên được chuyển nhượng) phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- 19.1.2. Việc chuyển nhượng Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt Nhân thọ và được Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận bằng văn bản về việc chuyển nhượng đó.
- Sau khi được Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận, Bên được chuyển nhượng trở thành Bên mua bảo hiểm mới của Hợp đồng. Người được bảo hiểm của Hợp đồng không thay đổi.
- 19.1.3. Bảo Việt Nhân thọ không chịu trách nhiệm về hiệu lực, tính hợp pháp, sự đầy đủ của việc chuyển nhượng Hợp đồng.

19.2. Trường hợp Bên mua bảo hiểm (không đồng thời là Người được bảo hiểm) tử vong

- 19.2.1. Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm được quyền tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng và trở thành Bên mua bảo hiểm mới nếu có yêu cầu bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm tử vong đồng thời đáp ứng các điều kiện về hành vi dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.
- 19.2.2. Trường hợp Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm không đủ điều kiện hoặc không yêu cầu trở thành Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Điểm 19.2.1, người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm có quyền thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng và trở thành Bên mua bảo hiểm mới của Hợp đồng nếu có yêu cầu bằng văn bản sau 30 ngày và không chậm hơn 60 ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm tử vong đồng thời đáp ứng điều kiện về năng lực hành vi dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.
- Nếu Bên mua bảo hiểm có nhiều người thừa kế hợp pháp, những người thừa kế hợp pháp này cần cử một đại diện để trở thành Bên mua bảo hiểm mới.
- 19.2.3. Việc trở thành Bên mua bảo hiểm mới chỉ có hiệu lực khi được Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận bằng văn bản.
- 19.2.4. Trường hợp Người được bảo hiểm, Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm, Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm không đủ điều kiện hoặc không yêu cầu trở thành Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Điểm 19.2.1 và Điểm 19.2.2 thì Hợp đồng sẽ chấm dứt kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm tử vong. Bảo Việt Nhân thọ sẽ thanh toán cho Người thừa kế (hoặc đại diện của những người thừa kế) hợp pháp của Bên mua bảo hiểm Giá trị giải ước trừ đi các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán và Khoản nợ (nếu có).

19.3. Trường hợp Bên mua bảo hiểm là tổ chức chấm dứt hoạt động

Trường hợp Bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật mà không có tổ chức khác có đủ điều kiện để kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm hoặc không yêu cầu trở thành Bên mua bảo

hiểm mới trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động và/hoặc trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định khác về Hợp đồng bảo hiểm thì:

- 19.3.1. Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm có quyền yêu cầu trở thành Bên mua bảo hiểm mới và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm, nếu có yêu cầu bằng văn bản sau 30 ngày và không chậm hơn 60 ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động, đồng thời đáp ứng điều kiện về năng lực hành vi dân sự và các quy định pháp luật có liên quan. Việc trở thành Bên mua bảo hiểm mới chỉ có hiệu lực khi được Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận bằng văn bản.
- 19.3.2. Trường hợp không có Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Điểm 19.3.1 Điều này, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động và Bảo Việt Nhân thọ sẽ trả cho Người được bảo hiểm Giá trị giải ước tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trừ đi các Quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán và Khoản nợ (nếu có).

Điều 20: Thay đổi Số tiền bảo hiểm, Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm tử vong

- 20.1. Trong thời hạn đóng phí và khi Hợp đồng không tạm ngừng đóng phí hoặc sau khi kết thúc thời hạn đóng phí, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu thay đổi: Số tiền bảo hiểm, Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm và/hoặc Quyền lợi bảo hiểm tử vong phù hợp với quy định của Bảo Việt Nhân thọ.
Yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm và/hoặc thay đổi từ Quyền lợi Cơ bản sang Quyền lợi Vượt trội chỉ áp dụng cho trường hợp Người được bảo hiểm dưới 70 tuổi.
- 20.2. Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt Nhân thọ các yêu cầu thay đổi nêu tại Khoản 20.1.
- 20.3. Trường hợp Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận bằng văn bản yêu cầu thay đổi, Số tiền bảo hiểm mới, Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm mới và/hoặc Quyền lợi bảo hiểm tử vong mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận thay đổi. Phí bảo hiểm rủi ro, quyền lợi bảo hiểm và các điều kiện khác có liên quan của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.
- 20.4. Bên mua bảo hiểm phải chịu các chi phí phát sinh liên quan tới yêu cầu nêu tại Khoản 20.1, bao gồm cả Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có) và không được hoàn trả bất kỳ khoản tiền nào khi thực hiện các thay đổi này.
- 20.5. Bảo Việt Nhân thọ có quyền từ chối yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm, thay đổi Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm và/hoặc thay đổi Quyền lợi bảo hiểm tử vong nếu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không đáp ứng các điều kiện và quy định liên quan của Bảo Việt Nhân thọ.

Điều 21: Nhầm lẫn khi kê khai tuổi hoặc giới tính của Người được bảo hiểm

- 21.1. Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo chính xác tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm theo Giấy khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (đối với trường hợp đủ 14 tuổi trở lên) tại thời điểm kê khai Giấy yêu cầu bảo hiểm. Trường hợp giữa Giấy khai sinh và Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo

hiểm không trùng khớp thì Bên mua bảo hiểm căn cứ vào Giấy khai sinh để kê khai tuổi, giới tính.

- 21.2. Nếu theo tuổi, giới tính đúng, Người được bảo hiểm vẫn được chấp nhận bảo hiểm thì Phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm và/hoặc các quyền lợi bảo hiểm có liên quan sẽ được tính theo tuổi, giới tính đúng kể từ Ngày hợp đồng hàng tháng tiếp theo.
- 21.3. Nếu theo tuổi, giới tính đúng, Người được bảo hiểm không được chấp nhận bảo hiểm thì Hợp đồng sẽ bị hủy và Bên mua bảo hiểm được nhận lại số tiền lớn hơn giữa:
- a) Phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm đã đóng (không có lãi) trừ đi tất cả các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán (nếu có), Khoản nợ (nếu có), các khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng (nếu có), Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có) và Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng, và
- b) Giá trị giải ước của Hợp đồng tính đến thời điểm hủy trừ các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán (nếu có) và Khoản nợ (nếu có).
- 21.4. Trường hợp khi giải quyết quyền lợi bảo hiểm, Bảo Việt Nhân thọ phát hiện Bên mua bảo hiểm thông báo sai tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và theo tuổi, giới tính đúng Người được bảo hiểm vẫn được bảo hiểm thì Bảo Việt Nhân thọ sẽ:
- a) Hoàn trả khoản Phí bảo hiểm rủi ro thừa (không có lãi) trong trường hợp Phí bảo hiểm rủi ro đã đóng cao hơn số Phí bảo hiểm rủi ro mà Bên mua bảo hiểm phải đóng theo tuổi, giới tính đúng của Người được bảo hiểm; hoặc
- b) Giảm Số tiền bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm có liên quan tương ứng với số Phí bảo hiểm rủi ro đã đóng trong trường hợp Phí bảo hiểm rủi ro đã đóng thấp hơn số Phí bảo hiểm rủi ro mà Bên mua bảo hiểm phải đóng theo tuổi, giới tính đúng của Người được bảo hiểm.

CHƯƠNG VII: CHẤM DỨT VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG

Điều 22: Từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm

Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày nhận được bộ tài liệu Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt Nhân thọ. Hợp đồng sẽ bị hủy và Bên mua bảo hiểm được hoàn lại số Phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) trừ đi Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có). Bảo Việt Nhân thọ không phải chịu trách nhiệm đối với các rủi ro đã phát sinh đối với Người được bảo hiểm.

Điều 23: Chấm dứt Hợp đồng

Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt Nhân thọ. Bảo Việt Nhân thọ sẽ trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị giải ước (nếu có) tính tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt trừ đi Khoản nợ (nếu có) và các quyền lợi liên quan đã thanh toán.

Điều 24: Khôi phục Hợp đồng

- 24.1. Trường hợp Hợp đồng tự động chấm dứt theo Khoản 11.2 Điều 11, Khoản 15.4 Điều 15 hoặc chấm dứt theo Điều 23 và Giá trị giải ước (nếu có) chưa được thanh toán, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu khôi phục Hợp đồng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận khôi phục Hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm phải chịu các chi phí phát sinh liên quan tới yêu cầu khôi phục Hợp đồng, bao gồm cả Phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).

- 24.2. Trường hợp được chấp thuận, Hợp đồng sẽ được khôi phục kể từ ngày Bảo Việt Nhân thọ thông báo bằng văn bản việc chấp thuận khôi phục Hợp đồng. Bảo Việt Nhân thọ không phải chịu trách nhiệm bảo hiểm đối với các rủi ro xảy ra với Người được bảo hiểm trước ngày Hợp đồng được chấp thuận khôi phục.

CHƯƠNG VIII: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều 25: Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

25.1. Thông báo rủi ro

Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt Nhân thọ về sự kiện bảo hiểm (tử vong, tai nạn dẫn đến thương tật toàn bộ vĩnh viễn, bệnh hiểm nghèo) trong thời gian sớm nhất kể từ khi Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm biết được sự kiện bảo hiểm và cung cấp các chứng từ theo quy định để giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

- 25.2. Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải lập hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và gửi tới Bảo Việt Nhân thọ trong thời hạn sau tối đa là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm (tử vong, tai nạn dẫn đến thương tật toàn bộ vĩnh viễn, bệnh hiểm nghèo) hoặc Ngày đáo hạn Hợp đồng bảo hiểm.

- 25.3. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

- 25.4. Quá thời hạn nêu tại Khoản 25.2, mọi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đều không có giá trị.

Điều 26: Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

26.1. Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cần cung cấp cho Bảo Việt Nhân thọ các giấy tờ sau để làm thủ tục giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- 26.1.1. Trường hợp yêu cầu trả Quyền lợi đáo hạn:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;
- Bộ Hợp đồng bảo hiểm;

- Bản sao giấy tờ tùy thân hợp pháp của Người nhận quyền lợi bảo hiểm (Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu...);
 - Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm.
- 26.1.2. Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong:
- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;
 - Bộ Hợp đồng bảo hiểm;
 - Bằng chứng về sự kiện tử vong (Trích lục chứng tử và/hoặc biên bản giải phẫu pháp y (nếu có));
 - Biên bản tai nạn có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp tử vong do tai nạn);
 - Bản sao giấy tờ tùy thân hợp pháp của Người nhận quyền lợi bảo hiểm (Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu...);
 - Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm.
- 26.1.3. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn:
- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;
 - Bộ Hợp đồng bảo hiểm;
 - Biên bản tai nạn có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn);
 - Giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền về tình trạng thương tật của Người được bảo hiểm;
 - Bản sao giấy tờ tùy thân hợp pháp của Người nhận quyền lợi bảo hiểm (Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu...);
 - Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm.
- 26.1.4. Trường hợp Người được bảo hiểm bị bệnh hiểm nghèo:
- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;
 - Bộ Hợp đồng bảo hiểm;
 - Hồ sơ bệnh án của cơ quan y tế có thẩm quyền;
 - Bản sao giấy tờ tùy thân hợp pháp của Người nhận quyền lợi bảo hiểm (Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu...);
 - Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm.
- 26.1.5. Trường hợp Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp đồng:
- Giấy đề nghị chấm dứt Hợp đồng;
 - Bộ Hợp đồng bảo hiểm;
 - Bản sao giấy tờ tùy thân hợp pháp của Người nhận quyền lợi bảo hiểm (Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu...).

- Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được nhận số tiền chi trả.

- 26.2. Các giấy tờ nêu tại Khoản 26.1 Điều này cung cấp cho Bảo Việt Nhân thọ là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trừ một số trường hợp đặc biệt khác được Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận.
- 26.3. Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm có nghĩa vụ thu thập và cung cấp một cách đầy đủ và trung thực các giấy tờ cần thiết và các thông tin có liên quan theo yêu cầu của Bảo Việt Nhân thọ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo Việt Nhân thọ tiến hành việc kiểm tra, xác minh khi sự kiện bảo hiểm xảy ra.
- 26.4. Các chi phí để thu thập và cung cấp các giấy tờ, bằng chứng theo quy định tại Khoản 26.1 do Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm chịu.
- 26.5. Bảo Việt Nhân thọ có quyền kiểm tra, xác minh về rủi ro, hậu quả của rủi ro và trưng cầu giám định đối với Người được bảo hiểm để phục vụ cho việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Các chi phí kiểm tra, xác minh, trưng cầu giám định theo yêu cầu của Bảo Việt Nhân thọ do Bảo Việt Nhân thọ chịu (trừ trường hợp quy định tại Khoản 4.2 Điều 4).

Điều 27: Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- 27.1. **Thời hạn giải quyết quyền lợi bảo hiểm**
 - 27.1.1. Bảo Việt Nhân thọ có trách nhiệm giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 26, trừ trường hợp quy định tại Điểm 27.1.2 dưới đây.
 - 27.1.2. Bảo Việt Nhân thọ có trách nhiệm giải quyết Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ nêu tại Điều 26 hoặc ngày kết thúc khoảng thời gian 180 ngày liên tục tính từ ngày xác nhận tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn, tùy thuộc vào ngày nào xảy ra sau.
- 27.2. Trường hợp có một vụ án được khởi tố liên quan đến rủi ro của Người được bảo hiểm thì Bảo Việt Nhân thọ chỉ xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- 27.3. Thông báo giải quyết quyền lợi bảo hiểm được gửi tới địa chỉ cuối cùng do Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cung cấp.
- 27.4. Quá thời hạn quy định tại Khoản 27.1 và Khoản 27.2, nếu chưa giải quyết quyền lợi bảo hiểm (trừ trường hợp lỗi không thuộc phía Bảo Việt Nhân thọ), Bảo Việt Nhân thọ phải trả thêm khoản lãi trên số tiền phải thanh toán theo lãi suất quy định tại Khoản 15.2 Điều 15.
- 27.5. Khi giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chấm dứt hoặc hủy bỏ Hợp đồng, Bảo Việt Nhân thọ có quyền thu hồi tất cả các Khoản nợ (nếu có), các khoản phí và chi phí hợp lý có liên quan theo quy định của Hợp đồng và có quyền khấu trừ các quyền lợi bảo hiểm liên quan đã thanh toán.

- 27.6. Kể từ thời điểm Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc tử vong, ngoại trừ việc yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, mọi giao dịch theo Hợp đồng đều không có hiệu lực. Khi giải quyết quyền lợi bảo hiểm, Bảo Việt Nhân thọ có quyền thu hồi các khoản đã thanh toán hoặc hoàn trả các khoản phí đã khấu trừ phát sinh từ các giao dịch không có hiệu lực trên (nếu có).

CHƯƠNG IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 28: Khiếu nại

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo giải quyết quyền lợi bảo hiểm hoặc các thông báo khác liên quan đến Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng có quyền khiếu nại với Bảo Việt Nhân thọ bằng văn bản về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm hoặc các vấn đề liên quan đó.

Điều 29: Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng, một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết ở Việt Nam theo quy định của pháp luật. Luật áp dụng cho việc giải quyết các tranh chấp này là pháp luật Việt Nam. Phán quyết của Tòa án có giá trị cuối cùng bắt buộc các bên thực hiện.

Thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp và có thể thay đổi theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 1 : QUYỀN LỢI THƯỞNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN

Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản được tính bằng tỷ lệ trên từng lớp lũy tiến của Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi như sau:

	Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi	Tỷ lệ % trên lớp Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản
Lớp thứ nhất	Từ 0 đến 250 triệu đồng	0%
Lớp thứ hai	Từ trên 250 triệu đồng đến 500 triệu đồng	0,2%
Lớp thứ ba	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	0,4%
Lớp thứ tư	Từ trên 1 tỷ đồng	0,6%

PHỤ LỤC 2: CÁC LOẠI PHÍ

Phí ban đầu	Phí ban đầu được khấu trừ khi Phí bảo hiểm được đóng và phụ thuộc vào tổng số Phí bảo hiểm định kỳ, Phí bảo hiểm đóng thêm đã đóng cũng như các khoản Phí ban đầu đã được khấu trừ. Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm được áp dụng như sau:						
	Năm phân bổ (*)	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
	Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm định kỳ	50%	25%	20%	15%	10%	2,5%
	Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm	8%	6%	6%	6%	5%	2,5%
(*) Năm phân bổ được xác định dựa trên Năm hợp đồng thực tế và số Phí bảo hiểm thực đóng.							
Phí ban đầu đối với Phí bảo hiểm định kỳ							
Phí ban đầu được xác định bằng tổng Phí ban đầu dự kiến trừ đi Phí ban đầu thực tế đã khấu trừ. Phí ban đầu dự kiến của các năm phân bổ trước sẽ được khấu trừ đầy đủ trước khi áp dụng tỷ lệ Phí ban đầu của các năm tiếp theo.							
Sau Năm Hợp đồng thứ nhất, nếu Phí bảo hiểm định kỳ được tăng lên để đảm bảo phù hợp với Số tiền bảo hiểm theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ thì phần tăng thêm cần thiết này sẽ áp dụng tỷ lệ Phí ban đầu của Phí bảo hiểm định kỳ. Với các trường hợp còn lại phần tăng lên sẽ áp dụng tỷ lệ Phí ban đầu của Phí bảo hiểm đóng thêm (như dưới đây).							
Phí ban đầu đối với Phí bảo hiểm đóng thêm							
Mọi khoản Phí bảo hiểm đóng, trước tiên sẽ dùng để thanh toán Phí bảo hiểm định kỳ, phần còn lại sẽ được coi là Phí bảo hiểm đóng thêm. Phí bảo hiểm đóng thêm lần đầu tiên sẽ áp dụng tỷ lệ Phí ban đầu của năm phân bổ thứ nhất. Phí ban đầu cho mỗi khoản Phí bảo hiểm đóng thêm tiếp theo được xác định bằng Phí ban đầu dự kiến (được tính trên cơ sở giả định Phí bảo hiểm đóng thêm được đóng đều đặn) trừ đi Phí ban đầu thực tế đã khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm.							
Khi Phí bảo hiểm đóng thêm tăng lên, phần tăng thêm sẽ áp dụng tỷ lệ Phí ban đầu của năm phân bổ thứ nhất.							
Phí quản lý Hợp đồng	Phí quản lý Hợp đồng hiện tại áp dụng 20.000 đồng/tháng. Phí này có thể được điều chỉnh hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố.						

Phí quản lý Quỹ liên kết chung	<p>Phí quản lý Quỹ liên kết chung hiện tại áp dụng 2%/năm, tính trên giá trị Quỹ liên kết chung.</p> <p>Bảo Việt Nhân thọ có thể giảm Phí quản lý Quỹ liên kết chung trên cơ sở các căn cứ như: (1) Sự thay đổi của môi trường kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng, (2) Phí quản lý quỹ phát sinh, (3) Quy mô của Quỹ liên kết chung và (4) Sự thay đổi của môi trường kinh doanh.</p> <p>Tùy theo sự biến động của thị trường tài chính, Bảo Việt Nhân thọ có quyền thay đổi mức Phí quản lý Quỹ liên kết chung sau 03 (ba) tháng thông báo và thỏa thuận với Bên mua bảo hiểm nhưng trong mọi trường hợp mức phí này không quá 3%/năm.</p>																		
Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng	<p>Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng trung bình sẽ bằng 0,5%/năm tính trên giá trị Quỹ liên kết chung. Mức phí này có thể thay đổi trong khoảng từ 0,25% đến 1% phụ thuộc vào kết quả hoạt động đầu tư của quỹ, tình hình chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng.</p>																		
Phí chấm dứt Hợp đồng	<p>Phí chấm dứt Hợp đồng được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm định kỳ quy năm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="418 959 1427 1373"> <thead> <tr> <th>Năm phân bổ (*)</th> <th>Phí chấm dứt Hợp đồng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>90%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>80%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>70%</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>50%</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>25%</td> </tr> <tr> <td>Từ năm thứ 8 trở đi</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Trường hợp Hợp đồng có lớp Phí bảo hiểm định kỳ mới tương ứng với phần tăng lên của Phí bảo hiểm định kỳ phải đóng thêm để đảm bảo tương quan với Số tiền bảo hiểm theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ hoặc Phí bảo hiểm định kỳ tăng lên so với Phí bảo hiểm định kỳ đã nêu tại Phụ lục Hợp đồng theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm thì phần Phí chấm dứt Hợp đồng tương ứng với lớp Phí bảo hiểm định kỳ mới này sẽ được xác định tương tự như trên. Phí chấm dứt Hợp đồng áp dụng sẽ là tổng của các phần Phí chấm dứt Hợp đồng theo các lớp Phí bảo hiểm định kỳ.</p> <p>(*) Năm phân bổ để tính Phí chấm dứt Hợp đồng (làm tròn lên) sẽ được xác định dựa trên tổng số Phí bảo hiểm định kỳ đã đóng (không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm) chia cho Phí bảo hiểm định kỳ quy năm cần đóng. Năm phân bổ của mỗi lớp Phí bảo hiểm định kỳ mới cũng được xác định theo tổng số Phí bảo hiểm định kỳ đã đóng và Phí bảo hiểm định kỳ quy năm cần đóng cho lớp phí này.</p>	Năm phân bổ (*)	Phí chấm dứt Hợp đồng	1	100%	2	100%	3	90%	4	80%	5	70%	6	50%	7	25%	Từ năm thứ 8 trở đi	0%
Năm phân bổ (*)	Phí chấm dứt Hợp đồng																		
1	100%																		
2	100%																		
3	90%																		
4	80%																		
5	70%																		
6	50%																		
7	25%																		
Từ năm thứ 8 trở đi	0%																		

<p>Phí rút trước và Phí dịch vụ</p>	<p>Phí rút trước</p> <p>Phí rút trước được xác định tỷ lệ thuận với Phí chấm dứt Hợp đồng tại thời điểm rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng theo công thức sau:</p> $PR = PCD * (STR / GTGU)$ <p>Trong đó:</p> <p>PR : Phí rút trước</p> <p>PCD : Phí chấm dứt Hợp đồng ngay trước thời điểm rút một phần</p> <p>STR : Số tiền rút</p> <p>GTGU : Giá trị giải ước ngay trước thời điểm rút</p> <p>Phí dịch vụ</p> <p>Phí dịch vụ cho mỗi lần rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hiện tại áp dụng là 100.000 đồng. Phí này có thể được điều chỉnh hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố.</p> <p>Trong mỗi Năm hợp đồng, Bên mua bảo hiểm được miễn Phí dịch vụ cho lần rút đầu tiên.</p>
<p>Phí kiểm tra sức khỏe</p>	<p>Phí kiểm tra sức khỏe là phí thực tế phát sinh trong trường hợp Người được bảo hiểm được Bảo Việt Nhân thọ yêu cầu kiểm tra sức khỏe.</p>
<p>Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng</p>	<p>Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng hiện tại áp dụng bằng 0,3% Số tiền bảo hiểm nhưng không thấp hơn 60.000 đồng và không cao hơn 300.000 đồng.</p>

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO CHUẨN THEO NĂM

Bảng tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro chuẩn dưới đây áp dụng cho Người được bảo hiểm có sức khỏe chuẩn theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ tính trên 1.000 đồng Số tiền bảo hiểm rủi ro.

Trong đó, Số tiền bảo hiểm rủi ro bằng Quyền lợi bảo hiểm tử vong trừ đi Giá trị giải ước của Hợp đồng. Các giá trị này được xác định tại thời điểm tính Phí bảo hiểm rủi ro.

Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ
0	12,08	7,33	37	2,99	2,46	74	64,98	38,25
1	2,33	1,84	38	3,18	2,63	75	71,78	43,04
2	1,93	1,63	39	3,40	2,82	76	79,01	48,56
3	1,75	1,50	40	3,65	3,03	77	86,72	54,96
4	1,43	1,37	41	3,92	3,25	78	94,96	62,40
5	1,38	1,25	42	4,21	3,48	79	103,88	70,21
6	1,33	1,23	43	4,53	3,70	80	113,60	79,03
7	1,28	1,21	44	4,87	3,94	81	124,25	88,92
8	1,25	1,20	45	5,23	4,18	82	135,99	100,00
9	1,24	1,19	46	5,62	4,42	83	148,97	112,38
10	1,25	1,18	47	6,03	4,69	84	163,31	126,20
11	1,31	1,20	48	6,47	4,98	85	179,09	141,62
12	1,42	1,23	49	6,96	5,29	86	193,23	155,88
13	1,57	1,27	50	7,50	5,63	87	208,58	171,47
14	1,74	1,32	51	8,13	6,00	88	225,19	188,46
15	1,92	1,37	52	8,83	6,42	89	243,14	206,95
16	2,09	1,42	53	9,63	6,88	90	262,48	227,02
17	2,22	1,46	54	10,51	7,35	91	283,28	248,75
18	2,32	1,50	55	11,46	7,83	92	305,57	272,19
19	2,38	1,53	56	12,47	8,30	93	329,39	297,40
20	2,40	1,56	57	13,54	8,75	94	354,76	324,42
21	2,40	1,58	58	14,68	9,20	95	381,67	353,25
22	2,38	1,60	59	15,92	9,70	96	421,49	414,38
23	2,34	1,62	60	17,30	10,30	97	541,50	537,74
24	2,30	1,65	61	18,86	11,04	98	745,65	744,46
25	2,25	1,67	62	20,62	11,99	99	503,25	503,25
26	2,22	1,70	63	22,59	13,13	100	547,72	547,72
27	2,21	1,74	64	24,77	14,42	101	586,26	586,26
28	2,20	1,78	65	27,12	15,79	102	626,26	626,26
29	2,22	1,82	66	29,63	17,21	103	667,65	667,65
30	2,25	1,87	67	32,29	18,63	104	710,36	710,36
31	2,30	1,92	68	35,15	20,09	105	754,28	754,28
32	2,37	1,97	69	38,31	21,73	106	799,33	799,33
33	2,45	2,04	70	41,93	24,08	107	845,37	845,37
34	2,55	2,11	71	47,06	27,04	108	892,27	892,27
35	2,67	2,20	72	52,62	30,35	109	939,90	939,90
36	2,82	2,32	73	58,60	34,06	110 trở lên	1000,00	1000,00



Điều khoản Trộn Đời Yêu Thương

Do tỷ lệ tử vong trên thực tế có thể thay đổi so với tỷ lệ trong bảng trên, Bảo Việt Nhân thọ bảo lưu quyền tăng hoặc giảm Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro chuẩn. Mức tăng lớn nhất bằng 100% tỷ lệ nêu tại bảng trên. Bất cứ sự thay đổi nào về Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro sẽ được thông báo và thỏa thuận cho Bên mua bảo hiểm 03 tháng trước khi áp dụng.

Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro áp dụng cho từng Người được bảo hiểm sẽ được xác định dựa trên các yếu tố: tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp và các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.

TRỌN ĐỜI YÊU THƯƠNG

ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM TRỌN ĐỜI LIÊN KẾT CHUNG (BV-NCUVL01)

(Được phê chuẩn theo Công văn số 14909/BTC-BH ngày 09 tháng 12 năm 2008;

Sửa đổi bổ sung theo Công văn số 3748/BTC-QLBH ngày 25 tháng 03 năm 2014;

Công văn số 17934/BTC-QLBH ngày 10 tháng 12 năm 2014;

Công văn số 9697/BTC-QLBH ngày 14 tháng 07 năm 2016 và

Công văn số 4051/BTC-QLBH ngày 28 tháng 03 năm 2017 của Bộ Tài chính)